

UBND TỈNH HẬU GIANG
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH, THĂNG HẠNG

THÔNG BÁO ĐIỂM THI NÂNG NGẠCH TỪ CÁN SỰ LÊN CHUYÊN VIÊN NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số: /HĐTNNTH ngày tháng năm 2022
của Hội đồng thi nâng ngạch thăng hạng)

STT	Phòng thi	Số báo đanh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn nghề nghiệp vụ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)
Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (chỉ tiêu 02)												
01	10	NNCV36	Nguyễn Thị Kim Xuyên		17/8/1987	Cán sự	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	31/60	29/30	26/30	56	
02	10	NNCV33	Tôn Hữu Thọ	22/10/1987		Cán sự	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	37/60	27/30	29/30	50	
Văn phòng UBND tỉnh (chỉ tiêu 01)												
01	10	NNCV09	Nguyễn Văn Dờ	26/10/1985		Cán sự	Văn phòng UBND tỉnh	43/60	28/30	25/30	56	
Sở Nội vụ (chỉ tiêu 01)												
01	10	NNCV17	Nguyễn Thị Khắc Liêl		02/6/1988	Chuyên viên	Sở Nội vụ	37/60	24/30	28/30	52	
Sở Tài chính (Chỉ tiêu 02)												
01	10	NNCV01	Huỳnh Quốc An	30/4/1983		Cán sự	Văn phòng Sở Tài chính	32/60	27/30	Miễn	69	
02	10	NNCV31	Nguyễn Thanh Quân	10/11/1977		Cán sự	Phòng tài chính hành chính sự nghiệp	34/60	29/30	26/30	45,5	
Sở Tài nguyên và Môi trường (chỉ tiêu 01)												
01	10	NNCV13	Phạm Đức Huy	26/01/1980		Cán sự	Phòng Tài nguyên và Biến đổi khí hậu	43/60	28/30	28/30	50	
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chỉ tiêu 01)												

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn nghiệp vụ	
01	10	NNCV12	Nguyễn Thị Diệu Hiền		07/6/1976	Cán sự	Chi cục Trồng trọt và BVTV	43/60	24/30	24/30	45	
Sở Xây dựng (chỉ tiêu 01)												
01	10	NNCV26	Mai Thị Bé Nụ		1986	Chuyên viên	Thanh tra Sở Xây dựng	41/60	29/30	28/30	70	
Sở Giao thông vận tải (chỉ tiêu 01)												
01	10	NNCV24	Nguyễn Văn Nam	1979		Nhân viên	Thanh tra GTVT	30/60	29/30	29/30	52,5	
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (chỉ tiêu 03)												
01	10	NNCV22	Trương Hoài Mộng	26/02/1980		cán sự	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	41/60	29/30	30/30	60	
02	10	NNCV19	Nguyễn Thành Lợi	20/12/1986		Chuyên viên	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	40/60	25/30	29/30	51	
03	10	NNCV08	Nguyễn Minh Chương	02/4/1987		Cán sự	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	35/60	25/30	Miễn	51	
04	10	NNCV21	Nguyễn Thị Kiều Mai		09/9/1988	Cán sự	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	31/60	27/30	29/30	50	
Sở Khoa học và Công nghệ (Chỉ tiêu 01)												
01	10	NNCV23	Phùng Diễm My		16/8/1989	Thủ quỹ	Văn phòng Sở KH&CN	36/60	23/30	Miễn	53	
Sở Y tế (chỉ tiêu 01)												
01	10	NNCV34	Huỳnh Thiện Trị	08/10/1978		Chuyên viên	Phòng Tổ chức - Hành chính	30/60	27/30	27/30	50	
Sở Giáo dục và Đào tạo (chỉ tiêu 01)												
01	10	NNCV30	Trần Thị Hồng Nhung		20/6/1981	Chuyên viên	Phòng GDTH-GDMN	43/60	30/30	27/30	59,5	
Ban Dân tộc (chỉ tiêu 02)												
01	10	NNCV18	Lê Thị Diễm Linh		28/5/1984	Chuyên viên	Ban Dân tộc	30/60	25/30	29/30	57	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn nghiệp vụ	
02	10	NNCV29	Chau Nha	10/10/1983		Cán sự	Ban Dân tộc	30/60	29/30	27/30	44,5	
Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh (chỉ tiêu 01)												
01	10	NNCV20	Võ Minh Luân	24/12/1986		Cán sự	Văn phòng Điều phối NTM tỉnh	30/60	27/30	25/30	56	
Thành phố Ngã Bảy (Chỉ tiêu 02)												
01	10	NNCV32	Lê Hoàng Thân	1978		Cán sự	Phòng Tư pháp	35/60	25/30	26/30	53	
02	10	NNCV11	Trương Thị Thúy Hằng	1985		Cán sự	Văn phòng HĐND - UBND	30/60	23/30	26/30	50,5	
03	10	NNCV14	Huỳnh Hoàng Hưng	1986		Cán sự	Thanh tra	30/60	27/30	24/30	50,5	
Huyện Long Mỹ (chỉ tiêu 01)												
01	10	NNCV05	Trần Minh Công	1969		Cán sự	Phòng Giáo dục và ĐT	36/60	24/30	27/30	53,5	
Huyện Vị Thủy (chỉ tiêu 02)												
01	10	NNCV02	Trương Thúy An		25/01/1986	Cán sự	Thanh tra huyện	43/60	25/30	22/30	53	
02	10	NNCV15	Nguyễn Ngọc Khỏe	1980		Cán sự	Phòng Tài nguyên và Môi trường	48/60	16/30	15/30	50	
03	10	NNCV06	Lý Anh Cường	10/10/1985		Cán sự	Phòng Y tế	41/60	18/30	28/30	43	VP HĐND& UBND
Huyện Phụng Hiệp (chỉ tiêu 01)												
01	10	NNCV27	Trần Hữu Nghĩa	1972		Cán sự	Phòng LĐ - TBXH	30/60	30/30	28/30	35	
Huyện Châu Thành (chỉ tiêu 02)												
01	10	NNCV25	Trần Văn Nam	07/10/1985		Cán sự	Phòng Y tế	40/60	25/30	30/30	50	Trung tâm Y tế huyện
02	10	NNCV03	Huỳnh Văn Bính	08/8/1968		Phó Trưởng phòng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	40/60	25/30	27/30	36	
Huyện Châu Thành A (chỉ tiêu 4)												

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn nghịệp vụ	
35	10	NNCV35	Nguyễn Hoàng Xuyên	1986		Cán sự	Phòng Tài chính - Kế hoạch	44/60	25/30	28/30	59	
7	10	NNCV07	Trần Thiện Chí	01/01/1993		Cán sự	Văn phòng HĐND&UBND huyện	43/60	28/30	30/30	54	
10	10	NNCV10	Đỗ Văn Đô	1984		Cán sự	Phòng Nội vụ huyện	33/60	25/30	30/30	50,5	
4	10	NNCV04	Trần Hồng Bước	1988		Cán sự	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	42/60	29/30	25/30	50,5	
16	10	NNCV16	Cao Vũ Lâm	1978		Cán sự	Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện	30/60	23/30	25/30	46	
28	10	NNCV28	Dương Trọng Nghĩa	20/02/1985		Cán sự	Phòng Tư pháp	39/60	26/30	26/30	44	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn nghịệp vụ	

UBND TỈNH HẬU GIANG
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH, THĂNG HẠNG

THÔNG BÁO ĐIỂM THI THĂNG HẠNG TỪ CÁN SỰ LÊN CHUYÊN VIÊN NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số: /HĐTNNTH ngày tháng năm 2022
của Hội đồng thi nâng ngạch thăng hạng)

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghệp vụ chuyên ngành	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	11	THCV01	Võ Hoàng Anh	19/5/1979		Trưởng phòng	Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Y tế huyện Châu Thành A	33/60	15/30	24/30	75	
2	11	THCV02	Lý Minh Bảo	1967		Cán sự	TT Văn hóa - TT - TT	31/60	23/30	Miễn	62,5	
3	11	THCV03	Đào Văn Bằng	10/12/1966		Cán sự	TT. Tin học - Ngoại ngữ và Liên kết đào tạo	30/60	23/30	15/30	39	
4	11	THCV04	Trương Xuân Bình	29/12/1964		Viên chức	Phòng Quản lý chất lượng - Công tác xã hội, Bệnh viện đa khoa tỉnh	30/60	Miễn	19/30	57	
5	11	THCV05	Lê Hoàng Chiến	01/7/1980		Kỹ thuật	Đài Truyền thanh huyện	40/60	18	16/30	66,5	
6	11	THCV06	Nguyễn Minh Cường	1969		Phó Trưởng đài	Đài Truyền thanh	30/60	26/30	25/30	55	
7	11	THCV07	Nguyễn Thị Ngọc Diễm		21/11/1987	Cán sự	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh	43/60	28/30	28/30	70,5	
8	11	THCV08	Đặng Hoàng Thanh Dũ	04/6/1982		CBKT	Ban QLDA - ĐTXD	30/60	24/30	25/30	53,5	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghề vụ chuyên ngành	
9	11	THCV09	Đặng Lê Duy	05/01/1981		Cán sự	Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện	38/60	19/30	29/30	52	
10	11	THCV10	Trương Văn Duy	10/9/1984		Chuyên viên	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật	32/60	20/30	28/30	50,5	
11	11	THCV11	Đàm Thị Duyên		05/02/1981	Cán sự	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN	35/60	22/30	20/30	72	
12	11	THCV12	Đoàn Chúc Giang		1987	Cán sự	Đài Truyền thanh huyện Châu Thành A	36/60	28	27/30	70,5	Trung tâm VHTTT T
13	11	THCV13	Nguyễn Hoàng Giang	10/11/1982		Cán sự	Thư viện tỉnh	42/60	29/30	28/30	56	
14	11	THCV14	Nguyễn Thị Hà		16/02/1984	Quyền Trưởng đài	Đài Truyền thanh	50/60	25/30	29/30	72,5	
15	11	THCV15	Dương Văn Hanh	15/05/1967		Phó trưởng	Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	30/60	25/30	24/30	53,5	
16	11	THCV16	Huỳnh Cẩm Hằng		25/11/1971	Cán sự	Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh	42/60	26/30	25/30	76,5	
17	11	THCV17	Bùi Mỹ Hằng		06/4/1982	Cán sự	Phòng Tổ chức Hành chính, Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh	33/60	20/30	25/30	79	
18	11	THCV18	Đỗ Văn Hiền	1986		Cán sự	Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện	45/60	28	30/30	59,5	
19	11	THCV19	Nguyễn Thanh Hiệp	1974		Cán sự	Trung tâm VH-TT- TT	43/60	17/30	25/30	51	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghệp vụ chuyên ngành	
20	11	THCV20	Trương Hồng Hiểu		1984	Cán sự	Trung tâm GDNN - GDTX	37/60	28/30	30/30	59,5	
21	11	THCV21	Nguyễn Thị Mỹ Hồng		26/12/1966	Cán sự	Phòng Kế hoạch, nghiep vụ - Điều dưỡng, Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	31/60	Miễn	26/30	41,5	
22	11	THCV22	Lê Thị Hơ		10/10/1982	Phó Giám đốc	Trung tâm VH TT-TT	30/60	25/30	29/30	50,5	
23	11	THCV23	La Thụy Ngọc Huyền		21/05/1980	Phó Trưởng phòng	Phòng HC-TH, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh	49/60	28/30	29/30	71,5	
24	11	THCV24	Bùi Thị Thúy Huỳnh		28/12/1985	Phó Giám đốc	Trung tâm PTQĐ - CN huyện Vị Thủy	35/60	27/30	28/30	59,5	
25	11	THCV25	Đỗ Thị Minh Hương		1975	Cán sự	Trung tâm GDNN - GDTX	30/60	24/30	26/30	53,5	
26	11	THCV26	Lê Văn Kết	1977		Phó Giám đốc	Nhà Thiếu nhi	37/60	21/30	23/30	69,5	
27	12	THCV27	Nguy Quốc Khánh	02/9/1982		Cán sự	Đài Truyền thanh	41/60	15/30	26/30	56	
28	12	THCV28	Phan Thị Thanh Liễu		1983	Cán sự	Đội Quản lý Trật tự đô thị	41/60	27/30	26/30	59	
29	12	THCV29	Võ Thùy Linh		07/5/1988	Kế toán	Chi cục Trồng trọt và BVTV	42/60	15/30	29/30	50	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghệp vụ chuyên ngành	
30	12	THCV30	Dương Bửu Lộc	1972		Cán sự	Đội Quản lý Trật tự đô thị	33/60	24/30	26/30	53	
31	12	THCV31	Lê Thị Lưu		02/7/1969	Cán sự	Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	33/60	Miễn	29/30	63,5	
32	12	THCV32	Phạm Trung Lưu	1966		Phó Giám đốc	Trung tâm VH TT-TT	33/60	28/30	27/30	50	
33	12	THCV33	Nguyễn Chúc Ly		9/8/1991	Chuyên viên	Hội Chữ thập đỏ huyện	32/60	17/30	25/30	53	
34	12	THCV34	Lê Minh Mẫn	15/6/1970		Trưởng phòng	Phòng Quản lý bảo vệ rừng	43/60	15/30	27/30	50	
35	12	THCV35	Nguyễn Hoàng Minh	19/07/1968		Giám đốc	Trung tâm PTQĐ - CN huyện Châu Thành A	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
36	12	THCV36	Võ Hoàng Nam	16/04/1970		Giám đốc	Chi Nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Vị Thủy	43/60	22/30	15/30	50	
37	12	THCV37	Đoàn Việt Nam	21/7/1989		Chuyên viên	Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh	36/60	26/30	Miễn	59,5	
38	12	THCV38	Lê Văn Năng	16/10/1980		Cán sự	Phòng Khảo thí - Kiểm định chất lượng	48/60	20/30	Miễn	55	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghệp vụ chuyên ngành	
39	12	THCV39	Lê Thị Kim Ngân		10/10/1986	Cán sự	Phòng Kỹ thuật và Công nghệ	44/60	16/30	28/30	64	
40	12	THCV40	Phạm Thị Kim Ngân		1987	Chuyên viên	Đài truyền thanh	50/60	26/30	19/30	55,5	
41	12	THCV41	Trần Văn Ngọc	19/11/1987		Cán sự	Phòng Quản trị - Thiết bị - Thư viện	47/60	21/30	29/30	50,5	
42	12	THCV42	Trương Thị Bé Người		20/5/1983	Cán sự	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	43/60	27/30	24/30	55	
43	12	THCV43	Nguyễn Thế Nhân	1993		Cán sự	Phòng Giáo dục và ĐT	46/60	22/30	28/30	67	
44	12	THCV44	Lương Thị Ngọc Nhi		18/7/1989	Cán sự	Ban Quản lý Khu nông nghiệp UDCNC	44/60	28/30	28/30	61	
45	12	THCV45	Nguyễn Văn Phép	10/01/1968		Phó Giám đốc	Bảo tàng tỉnh	43/60	16/30	26/30	50	
46	12	THCV46	Nguyễn Quốc Phi	22/6/1981		Cán sự	Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện	44/60	28/30	26/30	70,5	
47	12	THCV47	Bùi Văn Phiên	12/12/1984		Nhân viên	Đoạn QLGT Thủy Bộ	44/60	16/30	28/30	58	
48	12	THCV48	Nguyễn Hoàng Phúc	1974		Chuyên viên	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	37/60	28/30	18/30	50	Ban Quản tràng
49	12	THCV49	Trần Ngọc Phúc	1982		Cán sự	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	43/60	23/30	23/30	60	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghề vụ chuyên ngành	
50	12	THCV50	Đình Công Phúc	22/6/1974		Cán sự	Đài Truyền thanh	42/60	16/30	28/30	50	
51	12	THCV51	Nguyễn Thị Kim Phương		01/01/1983	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổ chức - Hành chính, Bệnh viện đa khoa tỉnh	42/60	24/30	27/30	62	
52	12	THCV52	Nguyễn Thị Quyền		8/2/1982	Cán sự	TT Văn hóa - TT - TT	32/60	15/30	19/30	66	
53	13	THCV53	Đoàn Thanh Sang	16/11/1986		Cán bộ kỹ thuật	Đoạn QLGT Thủy Bộ	35/60	18/30	24/30	51	
54	13	THCV54	Nguyễn Thanh Sang	07/12/1985		Cán sự	Trung tâm PTQĐ - CN huyện Châu Thành	36/60	26/30	25/30	57,5	
55	13	THCV55	Lê Trường Sang	12/11/1983		Chuyên viên Cao đẳng	Trung tâm Công tác xã hội	34/60	21/30	27/30	50	
56	13	THCV56	Nguyễn Bích Soàn		1984	Cán sự	Nhà Thiếu nhi	43/60	29/30	23/30	65,5	
57	13	THCV57	Đình Sơn	28/01/1982		Giám đốc	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Chi cục TCĐLCL	39/60	15/30	24/30	64	
58	13	THCV58	Nguyễn Hoàng Sơn	15/9/1980		Cán sự	Đội quản lý trật tự đô thị	44/60	22/30	21/30	65,5	
59	13	THCV59	Bùi Quốc Sơn	10/10/1968		Cán sự	TT Văn hóa - TT - TT	30/60	15/30	24/30	50	
60	13	THCV60	Phạm Hoàng Tâm	01/01/1976		Phó Giám đốc	Trung tâm PTQĐ - CN huyện Châu Thành	31/60	29/30	26/30	56,5	
61	13	THCV61	Trần Minh Tâm	07/12/1986		Cán sự	Ban Quản lý dự án - Đầu tư xây dựng huyện	36/60	15/30	27/30	52	
62	13	THCV62	Nguyễn Duy Tân	27/3/1984		Cán sự	Trung tâm Dịch vụ tài chính	32/60	26/30	21/30	53,5	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghề vụ chuyên ngành	
63	13	THCV63	Bùi Minh Tuấn	16/7/1985		Chuyên viên	Trung tâm VH TT-TT	40/60	22/30	24/30	50	
64	13	THCV64	Nguyễn Lâm Túc	1981		Chuyên viên	Đài truyền thanh	34/60	25/30	Miễn	51	
65	13	THCV65	Lâm Thị Kiều Tuyên		14/12/1983	Cán sự	Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Kiểm soát bệnh	46/60	23/30	29/30	56	
66	13	THCV66	Nguyễn Thị Thắm		03/08/1990	Cán sự	Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp	37/60	27/30	30/30	63	
67	13	THCV67	Bùi Thị Hồng Thắm		1984	Phó Giám đốc	Trung tâm VH TT-TT	39/60	15/30	28/30	34	
68	13	THCV68	Nguyễn Văn Thi	13/6/1983		Chuyên viên cao đẳng	Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp	33/60	28/30	20/30	63	
69	13	THCV69	Nguyễn Mai Thị Hồng Tho		26/6/1987	Cán sự	Phòng Tổ chức hành chính - Bệnh viện Phổ thông	40/60	15/30	28/30	72,5	
70	13	THCV70	Huỳnh Cẩm Thư		11/21/1982	Tổ trưởng GDNN	TT GDNN - GDTX	36/60	25/30	27/30	68	
71	13	THCV71	Chế Thị Thu Trang		03/10/1990	Cán sự	Phòng Tổ chức - Hành chính, Bệnh viện đa khoa tỉnh	43/60	25/30	28/30	64,5	
72	13	THCV72	Tô Thành Trung	1982		Cán sự	Phòng Nội vụ	30/60	26/30	26/30	54,5	
73	13	THCV73	Nguyễn Văn Út	20/12/1973		Cán sự	Trung tâm GDNN - GDTX	33/60	20/30	25/30	52	
74	13	THCV74	Nguyễn Ngọc Khánh Văn	1976		Giám đốc	Trung tâm VH TT-TT	34/60	22/30	27/30	61,5	
75	13	THCV75	Ngô Quốc Việt	01/01/1974		Chủ tịch	Hội Chữ thập đỏ	41/60	26/30	27/30	59,5	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghệp vụ chuyên ngành	
76	13	THCV76	Trịnh Quang Vũ	31/12/1985		Phó Giám đốc	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Châu Thành A	39/60	28/30	26/30	66	
77	13	THCV77	Võ Ái Xuân	1982	1982	Cán sự	Ban Đại diện Hội người cao tuổi	44/60	18/30	24/30	63,5	
78	13	THCV78	Lê Thị Hoàng Yến	28/02/1985	28/02/1985	Cán sự	Phòng Tổ chức - Hành chính, Bệnh viện Sản Nhi tỉnh	37/60	21/30	22/30	50,5	
79	13	THCV79	Phan Hồng Yến	22/3/1983	22/3/1983	Phóng viên	Đài Truyền thanh huyện	32/60	20/30	22/30	51,5	